

Số: /KH-UBND

Vĩnh Thuận, ngày

tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thuận

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Ủy ban nhân dân (UBND) xã ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên phạm vi toàn xã để làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Xác định người lao động có thu nhập thấp làm cơ sở hỗ trợ đào tạo nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

- Công tác rà soát thực hiện đúng phương pháp, quy trình, bảo đảm tính dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân nhằm xác định đúng đối tượng, phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân địa phương.

- Rà soát viên phải là người hiểu biết tình hình dân cư tại địa bàn và trực tiếp đến phỏng vấn, thu thập thông tin của từng hộ và phản ánh đúng tình hình thu nhập thông tin của hộ theo các tiêu chí quy định tại phiếu rà soát.

- Kết quả rà soát phải phân loại được hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo các tiêu chí quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

1.1. Đối tượng, phạm vi rà soát

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.2. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

a) Hộ nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.3. Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

Có 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm.

- Hộ cận nghèo: Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm

1.4. Quy trình rà soát

Rà soát định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg và Điều 43, Điều 45 của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP. Bao gồm 6 bước:

Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

b) Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng ấp và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3: Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát:

a) Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng ấp (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

b) Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại bước 2, bước 3.

c) Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai:

a) Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại trụ sở ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại trụ sở ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

Bước 5: Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 6: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

1.5. Biểu mẫu rà soát, tổng hợp

- Các mẫu: Mẫu số 01 (Giấy đề nghị rà soát); mẫu số 02 (Quyết định công nhận danh sách...); mẫu số 03 (Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo); mẫu số 04 (Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo) tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Các mẫu tại Phụ lục I (Danh sách hộ gia đình cần rà soát); phụ lục II (Phiếu A); phụ lục V (Biên bản họp dân), phụ lục VI (Danh sách sau khi rà soát) ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và các mẫu tại Phụ lục III (các phiếu rà soát), phụ lục IV (Hướng dẫn dụng phiếu) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

- Hệ thống mẫu, biểu tổng hợp dựa trên mẫu, biểu của cấp tỉnh theo Mẫu số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; mẫu số 7.8, 7.9, 7.10 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

2. Xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025

2.1. Đối tượng, phạm vi: Hộ làm nông nghiệp trên phạm vi toàn xã.

2.2. Chuẩn hộ có mức sống trung bình:

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

2.3. Xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình:

- Phương pháp: Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

- Quy trình xác định thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg:

(1) Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành 6 kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (từ ngày 15 hàng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg). Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

3. Xác định người lao động có thu nhập thấp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

3.1. Đối tượng, phạm vi: Là người lao động thuộc hộ gia đình (không bao gồm người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo) trên địa bàn xã.

3.2. Tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

3.3. Xác định người lao động có thu nhập thấp: Áp dụng theo quy trình xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình; giấy đề nghị xác nhận người lao động có thu nhập thấp theo Mẫu số 01, quyết định công nhận danh sách người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 30/2025/NĐ-CP.

4. Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

4.1. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

a) Tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030:

- Tiêu chí thu nhập:

+ Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng.

- Chiều, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản:

+ Chiều thiếu hụt việc làm gồm: chỉ số việc làm, chỉ số người phụ thuộc trong hộ gia đình.

+ Chiều thiếu hụt y tế gồm: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng.

+ Chiều thiếu hụt giáo dục gồm: chỉ số trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số tình trạng đi học của trẻ em.

+ Chiều thiếu hụt nhà ở gồm: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở.

+ Chiều thiếu hụt thông tin gồm: chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch

vụ số cơ bản.

+ Chiều thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: chỉ số nguồn nước sinh hoạt, chỉ số nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh, chỉ số xử lý rác thải.

a) Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2027-2030:

- Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

4.2. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

b) Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng.

c) Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

d) Công tác rà soát bảo đảm công khai, minh bạch trên cơ sở tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

4.3. Quy trình rà soát định kỳ hằng năm

a) Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

b) Các bước rà soát: gồm 5 bước:

Bước 1: Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát;

+ Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình:

Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3

Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3: Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng ấp (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số

hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

- Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 biên bản Trưởng ấp lưu.

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai:

- Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở ấp, Cổng thông tin điện tử cấp xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

- Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại trụ sở ấp.

- Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

Bước 5: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại trụ sở ấp.

4.4. Biểu mẫu rà soát, tổng hợp

Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027- 2030: theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BNNMT.

5. Thời gian rà soát, xác định

5.1. Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Rà soát định kỳ (năm/một lần): Thực hiện từ ngày 01/9/2026 đến ngày 10/11/2026.

- Rà soát thường xuyên: Thực hiện hàng tháng (từ tháng 01/2026 đến tháng 8/2026).

5.2. Thời gian xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp: Thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

6. Thời gian tiến hành rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo

- Trong tháng 9/2026: Triển khai kế hoạch rà soát và tham gia tập huấn nghiệp vụ.

- Từ ngày 07/9 /2026 đến 7/10/2026: Chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn xã.

- Chậm nhất ngày 20/10/2026: các ấp, Ban Chỉ đạo xã báo cáo kết quả sơ bộ gửi về UBND xã (báo cáo thông qua Phòng Kinh tế), đồng thời giao Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã báo cáo kết quả sơ bộ gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, (thông qua Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng) chậm nhất ngày 05/11/2026.

- Chậm nhất ngày 19/11/2026: các ấp, Ban Chỉ đạo xã báo cáo chính thức về UBND xã (kết quả tổng hợp theo các loại biểu mẫu quy định), đồng thời giao Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã báo cáo kết quả chính thức gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, chậm nhất ngày 25/11/2026.

7. Cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo

Sau khi có kết quả rà soát tiến hành cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ bằng file Excel; chậm nhất ngày 30/11/2026 Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã cập nhật đồng bộ dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng).

8. Kinh phí thực hiện

- Từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện tiểu dự án 2 của dự án 7 (giám sát, đánh giá) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 chuyển sang năm 2026; kinh phí Chương trình mục tiêu

quốc gia và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Ngoài ra, trường hợp phát sinh ngoài kế hoạch Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã căn cứ vào khả năng và tình hình thực hiện bổ sung thêm kinh phí để hỗ trợ thực hiện công tác rà soát.

III. TỔ CHỨC THỰC

1. Phòng Kinh tế

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã; tham gia tập huấn nghiệp vụ khi có thông báo.
- Theo dõi, đôn đốc Ban Chỉ đạo xã, các ấp thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời gian quy định.
- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các ấp trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa bàn hoặc có đơn thư khiếu nại.
- Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.
- Tổng hợp số lượng, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm báo cáo tỉnh (đối với rà soát thường xuyên). Cập nhật, đồng bộ dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn xã gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Dự toán kinh phí hỗ trợ theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định trình UBND xã phê duyệt thực hiện

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp: Căn cứ vào kế hoạch tổ chức phát bản tin, tuyên truyền về các chính sách, các văn bản liên quan đến công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã.

3. Đề nghị Thống kê cơ sở Vĩnh Phong: Phối hợp hướng dẫn sử dụng số hộ nhân dân (bao gồm hộ dân tộc thiểu số) để xác định tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát, tổng rà hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2026 trên địa bàn xã.

5. Trưởng ấp các ấp

- Chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 đảm bảo đạt yêu cầu.

- Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2026 về UBND xã (thông qua Phòng Kinh tế) theo quy định và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các ấp báo cáo về UBND xã (*qua Phòng Kinh tế*) để xem xét, giải quyết theo đúng quy định/.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh AG;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT và các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Thống kê cơ sở Vĩnh Phong;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- LĐVP, CVNC;
- Trưởng ấp các ấp;
- Lưu: VT, PKT, hhhung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Trung